

Số: /2023/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới và thẩm quyền xét, công nhận,
công bố thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
giai đoạn 2023-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020*

*Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ Ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công
nhận công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn
mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và
hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 174/TTr-SNN ngày 16 tháng 5 năm 2023 và ý kiến thống nhất của các
thành viên UBND tỉnh.*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới và thẩm quyền xét,
công nhận, công bố thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai
đoạn 2023-2025**

1. Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn
2023-2025: Thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố thôn nông thôn mới: Chủ tịch Ủy
ban nhân dân huyện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các sở, ngành, UBND các huyện, các xã.

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở,
ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực
hiện Quyết định này.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh thưởng các thôn đạt chuẩn nông thôn mới; hướng dẫn các địa phương quản lý, sử dụng kinh phí khen thưởng đúng quy định.

c) UBND các huyện, UBND các xã hàng năm chịu trách nhiệm rà soát, lựa chọn, đề xuất UBND tỉnh đưa vào Kế hoạch danh sách các thôn đạt chuẩn nông thôn mới; chỉ đạo các thôn triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

2. Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới được thưởng 20 triệu đồng/thôn.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và thay thế Quyết định số 669/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề mới phát sinh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, tham mưu UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3, Điều 3;
- Ban chỉ đạo TW các CTMTQG;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, Công TTĐT tỉnh, TTTT;
- + Lưu VT, NN Thăng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND ngày tháng 6 năm/2023
của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ đường thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100% (≥70% bê tông hóa hoặc nhựa hóa; mặt đường rộng tối thiểu 3,0m; nền đường rộng tối thiểu 4,0m)
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (≥50% cứng hoá; mặt đường rộng tối thiểu 2,5m; nền đường rộng tối thiểu 3,5m)
		1.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (≥30% có nền đường rộng tối thiểu 3,0m)
2	Thủy lợi	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥80%
3	Điện	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	100%
4	Nhà ở dân cư	4.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		4.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥75%
5	Cơ sở vật chất văn hóa - Thông tin	5.1. Nhà văn hóa, khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đạt
		5.2. Khuôn viên nhà văn hóa, khu thể thao có trồng cây xanh, cây bóng mát đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	Đạt
		5.3. Có hệ thống loa kết nối được với Đài truyền thanh xã, đảm bảo ít nhất 2/3 số hộ trong thôn nghe được	Đạt
6	Kinh tế hộ	6.1. Kinh tế: Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm đảm bảo bền vững	Đạt
		6.2. Thu nhập: Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	≥39 triệu đồng/người
		6.3. Hộ nghèo đa chiều: Tỷ lệ nghèo đa chiều	<13%
7	Giáo dục	7.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quy định
		7.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	Đạt
8	Y tế	8.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 95\%$
		8.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$
9	Văn hóa	9.1. Thôn được công nhận đạt chuẩn văn hóa	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa theo quy định	$\geq 85\%$
10	Môi trường và cảnh quan nông thôn	10.1. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt
		10.2. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$
		10.3. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn thôn ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường, không vứt bừa bãi rác thải, xác động vật chết ra đường	100%
		10.4. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$
		10.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt
11	Hệ thống chính trị - xã hội	11.1. Chi bộ và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt
		11.2. Bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt
12	An ninh trật tự - xã hội	Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt